

# AI LÀM SỤP ĐỔ VNCH MIỀN NAM VIỆT NAM?

## Phần 1

Cuối năm vừa qua, người viết nhận được điện thoại và email của hai người bạn cũ làm chung nhiệm sở trước 1975. Đó là anh Nguyễn Văn Thắng, anh ở trong quân đội khoảng hai năm rồi được biệt phái về Bộ Quốc gia Giáo Dục và anh Nguyễn Văn Minh thuộc P2/Quân Đoàn 3 biệt phái về làm việc ở Trung tâm Khai thác Tài liệu Hỗn hợp thuộc P2/Bộ TTM. Anh Minh đã gửi cho người viết bài nhận định của một chiến hữu ở San Jose Hoa Kỳ tựa đề Ai Làm Sụp Đổ VNCH Miền Nam Việt Nam? Phải chăng Dân chủ Mỹ là nguyên nhân làm sụp đổ chế độ VNCH? (Xin xem phần đính kèm)

Đây là câu hỏi mà anh em chúng tôi có thể trả lời vì từng được quân đội phân công làm công tác nghiên cứu về Chiến tranh VN tại một cơ quan do Mỹ thiết lập: Combined Documents Exploitation Center gọi tắt là CDEC trực thuộc J2/MAC-V. Chúng tôi nghiên cứu Chiến tranh VN không phải chỉ trước 1975 mà mãi đến ngày hôm nay. Đó cái nghiệp mà mình phải đeo mang cả cuộc đời. Nay có cơ duyên và may mắn được gặp lại hai người bạn cùng nhiệm sở hơn 40 năm về trước, chúng tôi mượn đề tài trên để lần lượt trình bày ba giai đoạn của chiến tranh VN.

Chiến tranh Đông Dương lần 1 (1946-1954) kết thúc bằng HĐ Genève 1954: đất nước bị chia đôi. Chiến tranh ĐD lần hai (1960-1975) kết thúc bằng HĐ Paris 1973: VNCH sụp đổ. Chiến tranh Đông Dương lần 3 từ tháng 12/1978 đến tháng 9/1989 khi Hà Nội rút quân khỏi đất chùa Tháp, và kết thúc bằng HĐ Paris 1991 về Campuchia: VN lệ thuộc vào Trung Cộng qua thỏa ước Thành Đô tháng 9/1990.

Nói chung chiến tranh VN mang lại thảm họa cho đất nước. Đối với dân tộc, lãnh tụ cả hai phe quốc gia và cộng sản đều thất bại. Sở dĩ như vậy là vì họ không tìm hiểu mục tiêu chiến lược của Mỹ, mưu đồ của Liên Xô và Trung Cộng vì mục đích gì? Tôn Tử Binh Pháp được tôn xưng là Tuyệt tác Binh thư xưa nay có câu "*Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng*". Đối với người quốc gia, họ không biết mục tiêu chiến lược của Mỹ là gì? Nghĩa là họ không biết (phe) ta muốn gì. Họ chỉ biết Nga Tàu đều tận tình giúp CSVN, nhưng họ không biết mối xung đột Nga Hoa trầm trọng ra sao? Đây là điều quan trọng mà họ lại không quan tâm tìm hiểu. Nghĩa là họ cũng không biết người (địch). Không biết người biết ta thì làm sao không thất bại!

Còn những người cộng sản cũng vậy, không biết gì về mục tiêu chiến lược của Mỹ. Họ chỉ biết lòng dân sôi sục chống Pháp. Đảng Xã hội và đảng CS Pháp thắng lớn trong cuộc tổng tuyển cử hồi tháng 11/1946, thành lập Mặt trận Bình Dân đứng ra lãnh đạo nước Pháp. Ông Hồ Chí Minh tin tưởng Liên Xô và Đảng CS Pháp sẽ giúp ông chiến thắng thực dân Pháp, nên phát động Toàn quốc kháng chiến (20/12/1946). Ông Hồ chỉ biết (phe) ta ở sự tuyên truyền còn sự thật thì khác xa.

Tại Hội nghị Yalta (2/1945) và Potsdam (7/1945) các đồng minh thắng trận đã phân chia ảnh hưởng cho nhau. LX không có gì ở Đông Nam Á, nơi đây thuộc ảnh hưởng của Anh, Pháp và Trung Hoa Dân Quốc (Tướng Giới Thạch) nên LX không thể giúp ông HCM. Còn cánh tả ở Pháp thắng lớn, nhưng chỉ tranh đấu tranh cho dân Pháp. Sau chiến tranh kinh tế Pháp suy sụp trầm trọng phải nhờ Mỹ cứu giúp qua kế hoạch Marshall nên họ không còn quan tâm đến việc ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc. Như thế người cộng sản không biết ta và cũng không biết người (địch) Đó là lý do họ thất bại trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Người viết xin trình bày tình tiết cuộc chiến này và sau đó tìm hiểu sự can dự của Mỹ vào cuộc chiến Việt Nam (1960-1975) diễn tiến ra sao? Hai đề tài này để trả lời câu hỏi: Ai làm sụp đổ VNCH?

Ngày 15/8/1945 Nhật đầu hàng, Thế chiến II thật sự chấm dứt. Ngay sau đó, Charles de Gaulle -Thủ tướng chính phủ lâm thời Pháp bổ nhiệm tướng Leclerc làm tổng tư lệnh Quân Viễn chinh Pháp và đô đốc Thierry D'Argenlieu làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Pháp trở lại cựa thuộc địa này, thương thảo với người bản xứ để trao trả độc lập cho ba nước Việt, Miên, Lào. Đó là chủ trương "giải trừ chế độ thực dân" của LHQ vừa được thành lập được sự thỏa thuận của các cường quốc thắng trận. Để bảo vệ uy tín của mình trong bối cảnh mới: Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo An/LHQ, Pháp đặt các quốc gia Việt Miên Lào trong Liên Bang Đông Dương thuộc khối Liên Hiệp Pháp, tương tự như nước Anh thành lập khối Liên Hiệp Anh.

Trước đó, tại hội nghị Potsdam (7/1945) trong Tuyên bố ngày 26/7/1945 lãnh tụ Tam cường Anh, Mỹ và Trung Hoa Dân Quốc (Tướng Giới Thạch) đã thỏa thuận giao cho quân đội nước Anh vào giải giới quân Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16, còn phía Bắc giao cho quân đội Trung Hoa Dân Quốc. Nhật Hoàng vừa tuyên bố đầu hàng, tại Sài Gòn, các đoàn thể yêu nước thuộc Mặt trận Quốc gia Thống nhất và Mặt trận Việt Minh tổ chức các cuộc biểu tình và giành được chánh quyền, thành lập Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ (25/8/1945). Trước đó, Cédile được de Gaulle bổ nhiệm làm ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam Bộ, được phi cơ Anh thả dù xuống Tây Ninh ngày 22/8/1945. Năm ngày sau, y đã có mặt ở Sài Gòn, tiếp xúc sơ khởi với Trần Văn Giàu, Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Văn Tạo thuộc Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ.

Ngày 6/9/1945 lực lượng Hoàng gia Anh do tướng Douglas D. Gracey cầm đầu đến Sài Gòn. Năm hôm sau, những đơn vị đầu tiên của Pháp khoảng 3 trung đoàn đã đến Sài Gòn. Đến nơi Gracey thảo luận ngay vấn đề Nam Bộ với Phạm Ngọc Thạch và Cédile. Y yêu cầu Việt Minh giải giới lực lượng dân quân cách mạng, giao cho quân Nhật ổn định trật tự, duy trì an ninh để hai bên Việt Pháp đàm phán.

Cuộc đàm phán Pháp Việt bất thành vì lập trường đôi bên trái nghịch nhau. Phía Việt Minh đòi Pháp nhìn nhận độc lập, còn Pháp chủ trương tái lập trật tự, lưu lại chủ quyền của Pháp rồi tổ chức trưng cầu dân ý, sau thành lập Liên Bang Đông Dương. Ngày 21/9/1945 Cédile ra lệnh tấn công tái chiếm các công sở và khám lớn Sài Gòn. Tướng Gracey nhân danh Ủy ban kiểm soát Đồng minh đứng ra đảm trách việc ổn định trật tự, tuyên bố lệnh thiết quân luật và kiểm soát các công sở.

Đêm 22 rạng 23/9/1945 Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ rút khỏi Sài Gòn, khởi đầu Nam Bộ kháng chiến. Ngày 5/10/1945 tướng Leclerc đến Sài Gòn. Trong 4 tháng sau đó quân Pháp tái chiếm phần lớn lãnh thổ phía Nam vĩ tuyến 16. Nam Kỳ vốn là thuộc địa của Pháp nên giới lãnh đạo ở đây liền thay đổi thể chế từ Nam Kỳ thuộc địa thành Nam Kỳ tự trị.

Trong khi đó, tại Bắc vĩ tuyến 16, sau khi Nhật đầu hàng, lực lượng Việt Minh giành được chính quyền, ông Hồ Chí Minh thành lập chính phủ lâm thời. Ngày 2/9/1945 ông Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập và tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Hai tuần sau, 18 vạn quân Tưởng Giới Thạch dưới sự điều động của tướng Lư Hán và Tiêu Văn sang giải giới quân Nhật. Lúc bấy giờ có hai lực lượng Cách mạng VN được Trung Hoa Dân Quốc ủng hộ là Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt Cách) của Nguyễn Hải Thần và Trương Bội Công đang trên đường về nước theo ngã Quảng Đông. Và lực lượng Việt Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc) của Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam về nước theo ngã Vân Nam. Do đề nghị của Tiêu Văn, ngày 1/1/1946 Chủ tịch HCM cải tổ chính phủ lâm thời, thành lập Chính phủ Liên hiệp Lâm thời VN có đại diện của ba nhóm Việt Minh, Việt Cách và Việt Quốc.

Trong lúc ông HCM lo đối phó với quân Tưởng và hai lực lượng đối lập Việt Cách và Việt Quốc thì tại trụ sở LHQ, Bộ trưởng Bộ Pháp Quốc Hải ngoại Marius Moutet gặp Tổng Tử Văn - Ngoại trưởng Trung Hoa Dân Quốc để thảo luận vấn đề các nhượng địa mà triều đình Mãn Thanh đã giao cho Pháp hồi thế kỷ trước. Hai bên thỏa thuận một sự trao đổi quyền lợi đưa đến Hiệp ước Pháp Hoa được Đại sứ Pháp Meyrier và đại diện chính phủ Trung Hoa ký tại Trùng Khánh ngày 28/2/1946. Theo hiệp ước này, chính phủ Pháp trả lại cho Trung Hoa các tô giới Thượng Hải, Thiên Tân, Quảng Đông, Hán Khẩu và đất mướn Quảng Châu Loan, bán lại đường xe lửa Vân Nam, chấp nhận

Hải Phòng là hải cảng tự do...Để đổi lại, quân Pháp sẽ thay thế quân Trung Hoa ở Bắc vĩ tuyến 16.

Đầu tháng 3/1946, Sainteny được Cao ủy D'Argenlieu ủy nhiệm làm đại diện chính phủ Cộng hòa Pháp đến Hà Nội để thảo luận về việc thay quân TH và tương lai chính trị VN. Chính phủ Liên hiệp VNDCCH chấp nhận để ông HCM và Vũ Hồng Khanh ký Hiệp ước sơ bộ (Accords preliminaires) ngày 6/3/1946 với Sainteny và Salan trước sự chứng kiến của đại diện Bộ Tư lệnh Quân đội Trung Hoa, Lãnh sự quán Anh và phái bộ Mỹ. Nội dung có 3 khoản:

(1) Pháp công nhận nước VNDCCH là một nước tự do có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng và là một thành phần của Liên bang Đông Dương thuộc khối LHP. Riêng Nam Bộ do Pháp tạm thời quản lý để chờ trưng cầu dân ý.

(2) Chính phủ VNDCCH phải lấy tình thân thiện đón tiếp quân đội Pháp chiếu theo thỏa hiệp quốc tế vào thay quân đội Trung Hoa.

(3) Sau khi ký kết, mỗi bên phải tìm cách đình chỉ các cuộc xung đột. Quân đội hai bên ở nguyên tại chỗ, tạo không khí hòa hoãn để mở các cuộc thương thuyết về việc ngoại giao của VNDCCH, những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở VN.

Ba tháng sau, hiệp ước sơ bộ được Moutet trình lên chính phủ Pháp, hiệp ước được Paris chính thức phê chuẩn. Ngày 13/3/1946 những đội quân đầu tiên thuộc Sư đoàn Cơ giới Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Leclerc đổ bộ lên Hải Phòng. Để tiến tới một hiệp định chính thức và toàn bộ, hai phái đoàn Việt Pháp đã gặp nhau ở hội nghị trú bị Đà Lạt từ 19/4 đến 10/5/1946. Phái đoàn VNDCCH do Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam làm trưởng đoàn. Cuộc đàm phán không đi đến kết quả vì thái độ trịch thượng của D'Argenlieu, y muốn tỏ ra là người đứng đầu Liên Bang Đông Dương, đứng ra chủ tọa cuộc họp giữa phái đoàn VNDCCH và phái đoàn Nam Kỳ tự trị. Cuộc đàm phán sau đó được chuyển sang Pháp để khai thông các trở ngại.

Ngày 31/5/1946 phái đoàn VN lên đường tham dự hội nghị Fontainebleau. Đáng lẽ Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam cầm đầu phái đoàn, nhưng đến ngày lên đường, ông cáo bệnh và xin từ chức. Phạm văn Đồng được cử thay thế. Ngoài phái đoàn chính thức, đích thân Chủ tịch HCM cũng sang Paris tham dự cuộc đàm phán theo lời mời của thủ tướng Pháp Felix Gouin. Khi đi vào thảo luận, hai bên bất đồng ý kiến ở nhiều vấn đề mà then chốt là vấn đề độc lập và thống nhất VN. Vấn đề càng căng thẳng thêm khi Nam Kỳ cũng được Pháp thừa nhận là một quốc gia tự do trong Liên bang ĐD thuộc khối LHP tương tự như nước VNDCCH.

Cuộc đàm phán vì thế đi vào bế tắc. Trước lúc phái đoàn VN sắp sửa về nước, do yêu cầu của Chủ tịch HCM, bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Moutet đã cùng ông Hồ ký một văn kiện ngoại giao gọi là Tạm ước (Modus vivendi) ngay trong đêm 14/9/1946 tại tư thất của Moutet. Trong tạm ước 14/9, chính phủ VNDCCH thừa nhận giá trị Thỏa ước 6/3, công nhận nước Cộng hòa Nam Kỳ cho đến lúc có cuộc trưng cầu dân ý. Trong lúc chờ đợi, lực lượng Việt Minh tại Nam Bộ phải tập trung vào những khu vực được chỉ định để giải giới chờ trưng cầu dân ý. Hai bên thỏa thuận giữ thái độ thân thiện đến tháng Giêng 1947 là thời hạn cuối cùng, hai bên sẽ tái tục đàm phán để kết thúc vấn đề VN bằng một hiệp ước chính thức.

**Lê Quế Lâm**

## Phần 2

Khi thỏa thuận với Pháp sẽ tái tục cuộc đàm phán vào tháng Giêng tới, ông HCM hy vọng tình hình nội chính của Pháp sẽ có thay đổi lớn sau cuộc tổng tuyển cử tháng 11/1946. Quả thực đúng như tiên liệu của ông Hồ, trong cuộc tổng tuyển cử này Đảng CS Pháp là đảng mạnh nhất, giành được 168 ghế chiếm đa số tại Quốc hội. Chính phủ do Mặt trận Bình dân lãnh đạo có 4 bộ trưởng cộng sản tham chính, họ giữ ghế Phó thủ tướng và bộ trưởng Quốc phòng. Ông Hồ kỳ vọng chính giới Pháp sẽ thừa nhận Đông Dương độc lập và ký một hiệp ước thân thiện với VN. Nhưng 3 tháng trước, ông Hồ đã gặp trở ngại. Cuối tháng 9/1946 khi về đến Cam Ranh, ông đã bị D'Argenlieu trách cứ về vấn đề Nam Bộ. Ý phản đối việc thành lập Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam Bộ là không phù hợp với tinh thần bản Tạm ước 14/9 và yêu cầu ông HCM phải đích thân ra lệnh ngưng ngay các cuộc tấn công vũ trang ở Nam Bộ.

Kháng chiến Nam Bộ đã xảy ra từ một năm trước (23/9/1945). Đây là chủ trương của Xứ ủy cộng sản Nam Kỳ do Trần Văn Giàu làm bí thư và các đoàn thể, tôn giáo yêu nước ở Nam Bộ. Trần Văn Giàu sanh quán ở Chợ Lớn, học trường Chasseloup đã gia nhập Đảng CS Pháp cùng học ở Đại học Đông phương như HCM, nhưng sau ông Hồ mấy năm. Trước Cách mạng tháng 8/1945 tại Nam Kỳ đã có sự xung đột quyết liệt giữa những người cộng sản. Xứ ủy Việt Minh với cờ đỏ sao vàng làm cờ hiệu, chủ trương tờ báo Giải Phóng, đối lập với Xứ ủy Nam Kỳ với cờ vàng sao đỏ, chủ trương tờ Tiền Phong. Nhóm Giải phóng (Việt Minh) tố cáo Trần Văn Giàu và làm tay sai cho Pháp, cho Nhật để chống đảng CS.

Khi Nhật đầu hàng, HCM và Việt Minh giành được chính quyền ở miền Bắc, sau đó thương thuyết với Pháp và ký Hiệp ước Sơ bộ 6/3. Tại Sài Gòn, Trần Văn Giàu giành được chính quyền và thành lập Ủy ban Hành chính Lâm thời Nam Bộ. Ủy ban cũng thương thảo với Pháp, nhưng chỉ một thời gian ngắn rồi phát động kháng chiến từ tháng 9/1945, trong khi đó ông HCM vẫn tiếp tục thương thuyết với Pháp từ hội nghị Đà Lạt đến hội nghị Fontainebleau. Xứ ủy Nam Bộ lên án ông Hồ phản quốc. Vì thế từ Pháp trở về, ông tuyên bố với đồng bào “Hồ Chí Minh không phải là kẻ bán nước”.

Ngày 23/11/1946 quân đội hai bên đã nổ súng ở cảng Hải Phòng. Chương ngại vật dựng lên khắp đường phố, một đại tá Pháp đã tử thương khi làm công tác dọn dẹp. Bộ đội VM tập trung ở khu phố Trung Hoa, Pháp yêu cầu triệt thoái nhưng không kết quả, họ liền tấn công bằng đại bác vào thành phố Hải Phòng làm hàng ngàn người thương vong.

Ngày 15/12/1946 ông HCM gửi thông điệp cho lãnh tụ Đảng Xã hội Pháp Léon Blum vừa được bổ nhiệm làm thủ tướng, yêu cầu Paris hành động gấp để cứu vãn tình thế. Người bạn thân mà ông Hồ đặt nhiều hy vọng đã làm ngơ trước yêu cầu của ông. Lúc bấy giờ các lãnh tụ cánh tả Pháp bao gồm đảng Xã hội và Cộng sản đều lo cho đất nước họ, nền kinh tế sau chiến tranh lâm vào tình trạng kiệt quệ, thậm chí lương thực không đủ phân phối cho dân. Họ không còn quan tâm đến việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa.

Không còn cách nào khác, trong đêm 19/12/1946 lực lượng dân quân tự vệ rút khỏi Hà Nội. Hôm sau ông HCM ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến: *“Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”*. Hai hôm sau, trong diễn văn đọc trước Quốc hội, Thủ tướng Léon Blum loan báo chiến tranh VN đã thực sự bùng nổ. Giữa tháng Giêng 1947, đài phát thanh Việt Minh lên tiếng cho biết họ đã quyết định từ chối thương thuyết với Pháp và hạ lệnh tổng động viên để kháng chiến chống Pháp.

Ngày 22/01/1947 lãnh tụ đảng Xã hội Paul Ramadier thay thế Léon Blum làm thủ tướng, bổ nhiệm nghị sĩ Xã hội Emile Bollaert làm Cao ủy Đông Dương thay thế D'Argenlieu. Bollaert được chính phủ Pháp cho phép đi tìm những phe phái ở VN chịu thay mặt dân tộc VN đứng ra thương thuyết với Pháp kể cả ông HCM và tổ chức Việt Minh nếu còn có thể được. Tháng 5/1947 Bollaert ủy nhiệm viên cố vấn riêng là Giáo sư Paul Mus, đảng viên đảng Xã hội và là bạn thân của HCM đến tiếp xúc với ông Hồ để cố tìm một giải pháp hòa bình cho VN. Paul Mus đã gặp ông Hồ và Bộ

trưởng Ngoại giao VNDCCH là Hoàng Minh Giám tại Cầu Đuống tỉnh Phúc Yên, nhưng không có kết quả.

Thất bại với ông HCM, Pháp liền chuyển sang nói chuyện với những người Quốc gia ôn hòa qua giải pháp Bảo Đại. Chính Paul Mus dù là bạn thân của HCM, song ông vẫn khuyến cáo chính phủ Pháp nên tìm gặp cựu hoàng Bảo Đại để nói chuyện vì *“điều đình với ông Hồ Chí Minh đông dài lắm”*. Cao ủy Bollaert cử một viên chức cao cấp là Cousseau sang Hương Cảng gặp Bảo Đại. Cựu thủ tướng Trần Trọng Kim hiện diện trong buổi gặp gỡ này đã nói với Cousseau: *“Việc điều đình bây giờ muốn thành công thì phải có toàn dân ưng thuận mới được. Mà nay dân chúng đã theo Việt Minh, đứng vào mặt trận kháng chiến, tất phải làm thế nào cho dân vừa ý mới mong có kết quả”* Như vậy *“Nước Pháp phải trả cái quyền độc lập cho nước chúng tôi và cho nước chúng tôi thống nhất từ Nam chí Bắc”*.

Bảo Đại đặt điều kiện tiên quyết với Pháp là VN phải được độc lập và thống nhất, trong đó việc qui hoàn Nam Bộ vào lãnh thổ quốc gia là điều kiện tất yếu để ông trở lại chấp chánh. Để cụ thể hóa quyết định của mình, cựu hoàng để cử tướng Nguyễn Văn Xuân, thủ tướng Cộng hòa Nam Kỳ giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ Trung ương Quốc gia Lâm thời, nghĩa là VN đã thống nhất và sẵn sàng nói chuyện độc lập với Bollaert. Hai bên đã gặp nhau trên một chiến hạm bỏ neo ở Vịnh Hạ Long và đã ký Thỏa ước Vịnh Hạ Long ngày 8/6/1948: Pháp nhìn nhận Việt Nam độc lập và tự do thực hiện việc thống nhất quốc gia.

Từ Thỏa ước Vịnh Hạ Long giữa Cao ủy Đông Dương và Thủ tướng Chính phủ Trung ương Quốc gia Lâm thời VN, dẫn đến Hiệp ước Élysée ngày 3/8/1949 giữa tổng thống Pháp Vincent Auriol và cựu hoàng Bảo Đại. Pháp chính thức nhìn nhận VN là một quốc gia độc lập, thống nhất có chủ quyền ngoại giao và nội trị, có quân đội và tư pháp riêng. Vì tình trạng chiến tranh với Việt Minh, VN cần liên kết với Pháp để được khối LHP yểm trợ. Quốc gia VN chính thức ra đời ngày 1/7/1949, chính phủ quốc gia thống nhất đầu tiên do Bảo Đại đích thân điều khiển.

Việt Nam cũng như các lân bang đều tuyên bố độc lập khi Thế chiến II vừa chấm dứt. Qua đấu tranh và đàm phán, Ấn Độ đã thoát khỏi Đế quốc Anh và độc lập từ 15/8/1947. Tiếp theo là Miến Điện cũng thuộc Anh được độc lập từ 4/1/1948. Cuối cùng là Miến Điện, giành được độc lập từ thực dân Hòa Lan vào ngày 27/12/1949.

Trong hồi ký *“Một cơn gió bụi”* cụ Trần Trọng Kim nhận xét *“Hay dở thế nào mặc lòng, đảng Việt Minh đã có cái công lớn tổ chức được cuộc kháng chiến ấy mà nước Pháp phải cho nước Việt Nam được độc lập và thống nhất. Song trong cái tình thế quốc tế hiện thời, thì đảng Việt Minh chỉ làm được đến đấy thôi, không làm hơn được”*

*nữa. Nếu cố chấp muốn làm cho được như ý muốn thì chỉ làm khổ dân hại nước mà không chắc đạt được cái của họ”.*

VN đã độc lập và thống nhất, cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh vẫn tiếp diễn, nhưng tính chất của cuộc đấu tranh này đã thay đổi. Ông HCM đã xác nhận: *“Kháng chiến Việt Nam là một hình thức cao rộng của giai cấp đấu tranh, nghĩa là cuộc đấu tranh lớn lao trên toàn thế giới giữa thế giới tư bản và thế giới cộng sản”.* Tháng 10/1949 Mao Trạch Đông chiến thắng ở Hoa Lục và cùng Stalin ký hiệp ước hữu nghị Xô Trung, ông HCM đã đến Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa để tìm hậu thuẫn của khối cộng sản, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của ông.

VN đã trở thành đấu trường của cuộc xung đột mới giữa Thế giới Tự do và Quốc tế Cộng sản sau khi Đại chiến Thế giới lần hai chấm dứt. Đó là định mệnh đau thương của đất nước, do cái nghiệp của những người đứng ra lãnh đạo dân tộc tạo ra. Vì cái nghiệp của mình, ông HCM phải đóng trọn vai trò của một người cộng sản quốc tế và một người VN yêu nước Nguyễn Ái Quốc. Ông tin tưởng một cách tuyệt đối rằng *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản, phải đứng trong quỹ đạo cộng sản và đón nhận sự ủng hộ và giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản”.* Ông ca tụng chủ nghĩa Mác Lê đối với Cách mạng Việt Nam như *“người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn”.*

Để Thế giới cộng sản tin tưởng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế giúp các đảng anh em, chính phủ HCM phải công khai đứng hẳn vào chiến tuyến cộng sản. Đảng CS Đông Dương mà HCM giải tán hồi tháng 11/1945 đã hoạt động trở lại với danh xưng Đảng Lao động VN. Bản chính cương của Đảng Lao động VN được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ hai thông qua hồi tháng 2/1951 xác nhận *“Việt Nam là tiền đồn của phe Xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á”.*

VN đã chính thức trở thành nơi đọ sức của hai hệ thống chính trị xã hội đối lập sau Thế chiến II. Một bên là chính phủ VNDCCH của HCM được Trung Cộng trực tiếp chi viện, đằng sau là khối CSQT do Liên Xô lãnh đạo, nhằm phát động và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Thực chất là thực hiện mưu đồ xích hóa Đông Dương, bành trướng chủ nghĩa CS ở ĐNÁ. Một bên là Quốc gia VN của Bảo Đại, một nước độc lập còn non trẻ được khối LHP bảo vệ, sau lưng là Mỹ đứng đầu Thế giới Tự do làm hậu thuẫn. Mục đích can thiệp của HK là nhằm ngăn chặn sự thắng thế của cộng sản, vì khi chiến thắng, cộng sản sẽ áp đặt chế độ độc tài lên các nước tự do.

Ván cờ VN đã được sắp xếp như vậy, tang thương đổ nát tất nhiên nhân dân VN phải gánh chịu. Đóng góp nhân vật lực là do chính phủ và quân viễn chinh Pháp cũng như



chính phủ và chí nguyện quân TC lo liệu. Còn thắng lợi thì uy tín và ảnh hưởng của LX hoặc HK càng mở rộng khắp thế giới. Tính đến cuối 1952 số quân viễn chinh Pháp bị thương vong và mất tích ở Đông Dương lên đến 90 ngàn và đã chi cho cuộc chiến này gấp hai lần số tiền mà họ đã nhận của Mỹ qua kế hoạch Marshall. Đối với TC, một triệu binh sĩ đã thương vong trong trận chiến Triều Tiên từ 1950 đến 1953 và hiện đang sa lầy trong cuộc chiến VN mà TC là nước viện trợ vũ khí và trang bị nhiều nhất cho Việt Minh.

Cả Bắc Kinh và Paris đều tìm cách sớm thoát ra khỏi cuộc chiến hao tài tốn của này với bất cứ giá nào. Do đó họ nhờ hai đồng minh thân thiết là Anh Quốc và Liên Xô đứng ra làm đồng chủ tịch hội nghị Genève 1954 để chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Ngoại trưởng Anh Eden còn thuyết phục Mỹ đừng dội bom Điện Biên Phủ khi cứ điểm này bị 8 vạn quân Việt Minh bao vây và yêu cầu ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles đến Genève để ủng hộ Pháp. Dulles chỉ đến tham dự trong mấy ngày đầu và sau đó để Thứ trưởng ngoại giao là tướng Bedell Smith cầm đầu phái đoàn Mỹ. Sau đó ông chỉ chú tâm vào việc thành lập Liên phòng Đông Nam Á. Ông tuyên bố *“Nếu Pháp và Trung Cộng đi đến một thỏa thuận chia cắt Đông Dương thì Minh ước phòng thủ Đông Nam Á sẽ được thành lập”*. Dulles hy vọng tổ chức này sẽ ngăn chặn được mưu đồ bành trướng của TC, bảo vệ hòa bình và an ninh ở ĐNÁ, vì mục tiêu của Mỹ là để tránh tham chiến ở đây.

Cuối cùng sau gần ba tháng đàm phán, hội nghị Genève 1954 về Đông Dương được kết thúc bằng một bản Tuyên bố bế mạc hội nghị. Theo tinh thần văn bản này thì mục đích căn bản của hiệp định về VN là giải quyết các vấn đề quân sự để đình chỉ chiến sự. Giới tuyến 17 được dùng làm giới tuyến quân sự, tạm thời chia VN thành hai vùng để tập trung quân hai bên, thực hiện ngừng bắn, chấm dứt chiến tranh. Mọi người VN được tự do lựa chọn vùng mình muốn sinh sống trong vòng 300 ngày.

Giới tuyến 17 hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay lãnh thổ. Việc giải quyết các vấn đề chính trị sẽ do nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng gặp gỡ thương lượng một năm trước khi tổ chức tổng tuyển cử vào tháng 7/1956 với những điều kiện cần thiết bảo đảm cho nhân dân VN có thể tự do bày tỏ ý muốn của mình. Miên và Lào là hai vương quốc trung lập. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt, Miên Lào, và tuyên bố không can thiệp vào công việc nội bộ của những nước đó.

Trưởng đoàn Mỹ thông báo cho Ngoại trưởng Anh Eden đồng chủ tịch hội nghị với Ngoại trưởng Liên Xô Molotov hay rằng chính phủ Mỹ sẽ không ký tên vào bản Tuyên

bổ bề mặt hội nghị. Vì hòa bình, Mỹ chấp nhận giải pháp ngừng bắn thức khắc, chấm dứt chiến sự và giải quyết chiến tranh Đông Dương dựa trên sự chia cắt VN. Nhưng HK không chấp nhận giải pháp chia cắt chỉ có tính tạm thời chỉ nhằm xoa dịu các cường quốc, nên khước từ mọi sự cam kết tiếp theo, qui định việc các thành viên của hội nghị sau này sẽ trao đổi ý kiến để bảo đảm việc thi hành hiệp định.

Hoa Kỳ phổ biến một Tuyên bố riêng xác định: Cam kết tôn trọng các điều khoản, hứa sẽ không dùng vũ lực hay đe dọa vũ lực để làm thay đổi thỏa ước. Về vấn đề tuyển cử tự do, HK cho rằng nếu sự chia cắt lãnh thổ phản lại ý nguyện của người dân bản xứ thì Mỹ sẽ tiếp tục tìm kiếm sự thống nhất thông qua một cuộc tổng tuyển cử tự do do LHQ giám sát, nhằm bảo đảm cho người dân hành xử quyền chọn lựa của mình một cách trung thực. Về tuyên bố của Đoàn đại biểu Quốc gia VN cho rằng họ không ký hiệp định nên không bị hiệp định ràng buộc, HK nhắc lại quan điểm cố hữu của mình là *“dân chúng được quyền quyết định tương lai của mình”* nên HK sẽ không tham gia bất cứ một sự sắp đặt nào để ngăn trở điều đó.

Vì HK từ chối không ký tên vào Bản tuyên bố cuối cùng của hội nghị, nên các phái đoàn đồng ý xóa bỏ vấn đề chữ ký, chỉ kể ra trên những dòng đầu của Bản tuyên bố bề mặt danh sách các nước tham dự hội nghị.

Là ủy viên QTCS, ông HCM tin tưởng tuyệt đối Liên Xô và Trung Cộng sẽ giúp CSVN đạt được thắng lợi trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Sau 9 năm kháng chiến gian khổ, theo ước lượng của các quan sát viên Liên Hiệp Quốc, đã có hơn nửa triệu người chết, Pháp đã bại trận, kéo cờ trắng đầu hàng ở Điện Biên Phủ và sau đó rút khỏi Đông Dương... Nhưng hai đàn anh vì quyền lợi của đất nước họ, lại đồng ý chia cắt đất nước VN. Một điều đau đớn là hồi năm 1945, Trung Hoa Dân Quốc thỏa thuận chia cắt VN ở vĩ tuyến 16, nay Trung Hoa Cộng sản lại chia cắt VN ở vĩ tuyến 17.

Tại hội nghị Liễu Châu, ông Hồ hỏi Chu Ân Lai điều này, họ Chu trả lời thẳng: Đó là quyết định của Mỹ, nếu các đồng chí không chấp nhận, các đồng chí cứ tiếp tục chiến đấu, Trung Quốc và Liên Xô không giúp đỡ các đồng chí nữa. Câu trả lời của Chu Ân Lai nghe có vẻ phũ phàng, nhưng đó là sự thật. Nếu VM tiếp tục chiến đấu, Mỹ đã chuẩn bị sẵn sàng dùng B29 tiêu diệt cứ điểm ĐBP đang bị 80 ngàn quân Việt Minh bao vây, để kết thúc chiến tranh Đông Dương.

Những người Cộng sản thường nói đến nghĩa vụ quốc tế và nghĩa vụ dân tộc. Niềm tin của ông HCM vào nghĩa vụ quốc tế được ông ấp ủ từ đầu những năm 1920, nay mới được chứng minh. Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản Pháp mà ông Hồ đã gia nhập đã quay mặt với ông khi ông kêu gọi đến họ. Còn Liên Xô và Trung Cộng cũng vì nghĩa

vụ dân tộc của họ mà quên đi nghĩa vụ quốc tế. Đây là một bài học lớn đối với những người lãnh đạo CSVN, nhưng họ không rút tỉa để đưa đến chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. (Còn tiếp phần 3 đề cập đến bài học lớn của người Quốc gia về biến cố 30/4/1975)

Lê Quế Lâm

## Phần 3

Sau HĐ Genève 1954, cuộc xung đột thế giới đi vào giai đoạn hòa hoãn. Những thỏa hiệp của 5 cường quốc đã giải quyết ổn thỏa nhiều vấn đề quốc tế còn tồn tại sau TC II: vấn đề những lãnh thổ bị tạm chia cắt, Triều Tiên, Đức, Âu Châu và chiến tranh Đông Dương. Năm 1950, cộng sản mưu toan dùng vũ lực thống nhất bán đảo Triều Tiên nhưng thất bại. Quyết định của các cường quốc tái lập nguyên trạng nguyên trạng Triều Tiên (chia cắt TT ở vĩ tuyến 38) và dùng giải pháp TT chia cắt ảnh hưởng nước này cho Nga Mỹ, để chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Và từ giải pháp chính trị cho Việt Nam (dự trù một cuộc hiệp thương giữa chính phủ hai miền Nam Bắc để thống nhất VN) đã mở ra con đường thống nhất các lãnh thổ bị chia cắt bằng thương lượng hòa bình đã làm cho Liên Xô an tâm về phần đất ảnh hưởng của họ ở Đông Âu.

Chiến tranh Triều Tiên 1950-53 và chiến tranh Đông Dương cho thấy Hoa Kỳ quyết tâm ngăn chặn sự bành trướng thêm nữa của chủ nghĩa CS, đã làm Bắc Kinh thay đổi đường lối chiến lược. Trung Cộng (TC) bắt đầu hướng về các nước Á Phi mới giành được độc lập, tranh thủ các nước thứ ba, đồng thời bắt tay hòa hoãn với Mỹ. Cuối tháng 6/1954 trong khi cùng 4 cường quốc tham dự hội nghị Genève, Thủ tướng Chu Ân Lai đi thăm hai nước trung lập Miến Điện và Ấn Độ. Ông đề ra 5 nguyên tắc sống chung hòa bình được xem là đường lối đối ngoại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tại đàm phán Genève, Chu Ân Lai đã thành công khi tranh đấu cho hai vương quốc Miên Lào được trung lập. Ngày 22/7/1954, trong buổi tiệc chiêu đãi các phái đoàn sau khi hội nghị Genève bế mạc, TT Chu Ân Lai đã đề nghị Đại sứ Ngô Đình Luyện, bào đệ thủ tướng Nam VN về việc đặt sứ quán hai nước ở Bắc Kinh và Sài Gòn.

Tháng 4/1955, Chu Ân Lai tham dự hội nghị của các nước Á Phi được triệu tập ở Bandung (Nam Dương). Tại đây 5 nguyên tắc sống chung hòa bình của Bắc Kinh được 29 nước Á Phi thừa nhận. Cả hai chính phủ Nam và Bắc VN đều được mời và tham dự hội nghị Bandung. Đây là hội nghị đầu tiên của các nước có khuynh hướng trung lập, muốn đứng ngoài cuộc xung đột giữa Thế giới tự do và Quốc tế CS.

Từ tháng 4/1956, hai đồng chủ tịch hội nghị Genève 1954 đều nhìn nhận rằng “Tổng tuyến cử thực ra không quan trọng bằng việc duy trì hòa bình”. Để rảnh tay đối phó

với vấn đề nội bộ, lãnh tụ LX Khrushchev chủ trương hòa hoãn với Mỹ qua chiêu bài “Chung sống hòa bình”. Do đó LX không những từ chối lời yêu cầu của Hà Nội đòi phải tổ chức tổng tuyển cử, mà còn đề nghị thu nhận cả hai miền Nam Bắc VN vào LHQ với lý do “ở Việt Nam có hai chính quyền riêng biệt tồn tại”. Nhưng HK với chủ trương cứng rắn đã có từ 1954 “Hoa Kỳ không dự phần vào hiệp ước xây dựng trên trên sự xoa dịu. Hoa Kỳ cũng không bao giờ thừa nhận sự hợp pháp đối với mọi sự kiểm soát của cộng sản trên bất cứ phần đất nào tại Đông Nam Á”, nên bác bỏ đề nghị của LX.

Đối với người dân VN, dù HĐ Genève chia đôi đất nước, nhưng đã mở ra con đường sống cho họ. Họ đã thoát khỏi cuộc chiến tàn khốc, tưởng chừng không có lối thoát vì sự dính líu ngày càng sâu rộng của những cường lực thế giới mà không có sự tuyên chiến. Chiến tranh chấm dứt, cuộc diện thế giới hòa hoãn sẽ giúp họ kiến thiết lại đất nước sau khi đã giành được độc lập hoàn toàn. Đồng bào hy vọng giới lãnh đạo hai miền Nam Bắc sẽ ra sức thi đua phát triển đất nước theo hai mô hình đều được tuyên truyền là toàn hảo. Khi cơ hội đến người dân sẽ quyết định tương lai dân tộc bằng một cuộc tổng tuyển cử tự do như đã dự liệu.

Trước đó, tháng 6/1954 Quốc trưởng Bảo Đại mời ông Ngô Đình Diệm “đứng ra thành lập nội các để cứu vãn tình thế vì tình hình đất nước hiện nay vô cùng đen tối, tổ quốc có thể bị chia cắt”. Ông Diệm đã thối thác lời triệu thỉnh với lý do “sau nhiều năm suy nghĩ, tôi đã quyết định đi tu”. Nhưng ông không thể từ chối sứ mạng khi Bảo Đại đề cập đến sự tồn vong của đất nước “Tôi rất tôn trọng quyết định của ông, nhưng hôm nay tôi kêu gọi lòng yêu nước của ông. Ông không có quyền trốn tránh trách nhiệm. Sự sống còn của đất nước đòi hỏi ông phải đứng ra gánh vác việc nước”. Trước bàn thờ Chúa và Thánh giá, Bảo Đại long trọng bảo ông Diệm “Ông hãy thề trước thánh giá là ông sẽ giữ toàn vẹn lãnh thổ mà tôi trao cho ông. Ông sẽ bảo vệ lãnh thổ đó chống lại bọn cộng sản vô thần và nếu cần chống lại cả người Pháp nữa”. Ông Diệm mặc niệm một lúc và giơ tay nói “Tôi xin thề”. (Bảo Đại SM, Le Dragon D’Annam, Blon, Paris 1980, P.329)

Đây là bước ngoặt lớn của đất nước. Năm 1932 khi vừa về nước chấp chánh, Hoàng đế Bảo Đại đã đề cử ông Diệm làm Thượng thư bộ Lại, đứng đầu triều đình. Năm 1945 Nhật đảo chánh Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam, Bảo Đại cho người tìm ông để lập chính phủ, nhưng bị Nhật cản trở. Nay trước sự sống còn của đất nước, vị vua cuối cùng triều Nguyễn trao quyền lãnh đạo đất nước cho ông Diệm. Ông đảm nhận sứ mạng lãnh đạo dân tộc do cựu quốc trưởng bàn giao, không phải trước Thế miếu ở Huế hay bàn thờ Tổ quốc mà trước bàn thờ Chúa và Thánh giá.

Ông Diệm, một tín đồ Thiên chúa giáo ngoan đạo lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới, đấu tranh ý thức hệ với Cộng sản, ông có nhiều ưu thế. Trần Bạch Đằng cán bộ cao cấp Mặt trận Giải phóng miền Nam đề cao ông “Trong hơn chục năm, Diệm như

ẩn dật, được giới thượng lưu cả nước tôn là ‘chí sĩ’. Về cá nhân, Diệm không vợ con, rượu chè, sống khắc khổ, có trình độ vừa Tây học vừa Nho học...Diệm lại được người em sắc sảo về chính trị là Ngô Đình Nhu trợ lý”. Ông Diệm lại được sự ủng hộ của Hồng Y Spellman. Qua vị Hồng Y này, ông được sự ủng hộ của Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield và John F. Kennedy. Lúc bấy giờ HK coi Nam VN “như là một thí điểm của nền dân chủ ở Á châu”. Đó là tuyên bố của TNS J.K. Kennedy hồi tháng 5/1956. Trần Bạch Đằng tố cáo Mỹ vì mưu đồ thực dân mới “biến Miền Nam thành một tủ kính trưng bày sự phồn vinh và nền tự do kiểu Mỹ ở Đông Nam Á”.

Ông Diệm còn một lợi thế nữa, Sài Gòn -thủ đô Miền Nam, từ đầu thế kỷ 20 được thế giới coi là Hòn Ngọc Viễn Đông. Ngoài ra, miền Tây của Nam VN là vựa lúa nhứt, nhì thế giới. Còn miền Đông với rừng cao su bạt ngàn. Tuy nhiên, ông Diệm gặp khó khăn vì lãnh thổ mà cựu hoàng Bảo Đại bàn giao không phải là một giang sơn thống nhất từ Nam chí Bắc. Miền Nam VN dưới sự lãnh đạo của ông chỉ còn từ Vĩ tuyến 17 trở vào, trong đó 5% là đồng bào Miền Bắc vừa di cư vào Nam, 30% là dân miền Trung, 65% còn lại là dân miền Nam. Phần đất này đã trở thành thuộc địa của Pháp từ năm 1862. Ông Diệm hoàn toàn xa lạ với những đặc điểm của người dân Nam Kỳ, nhất là những biến cố dồn dập trong 10 năm qua, lúc đó ông sống trong các tu viện ở Mỹ, Pháp, Bỉ.

Ở miền Nam VN, ngoài hai tôn giáo lớn Phật giáo và Thiên Chúa giáo, du nhập từ bên ngoài. Nơi đây còn có hai tôn giáo thuần túy dân tộc là Cao Đài và Hòa Hảo có nhiều triệu tín đồ. Họ là những nông dân chất phát, yêu nước, đã tích cực tham gia kháng chiến chống Pháp khi chúng trở lại Nam Kỳ hồi cuối tháng 9/1945. Đây là thử thách đối với ông Diệm một tín đồ Thiên Chúa giáo khi nhận Thiên mệnh đứng ra lãnh đạo đất nước.

Khi nhận trọng trách do cựu hoàng Bảo Đại bàn giao, ông Diệm yêu cầu một người miền Trung am hiểu Nam Kỳ và tình hình chính trị Sài Gòn là ông Hồ Sỹ Khuê, Giáo sư trường Chasseloup Laubat, soạn cho ông một tường trình về thực trạng và sức nặng chính trị của các giáo phái vùng Đồng Nai, Cửu Long. Kết luận của bản tường trình này là khuyến cáo ông Diệm đừng nhận thức các giáo phái theo quan điểm tôn giáo, mà phải nhìn ảnh hưởng chính trị của họ trong lòng quần chúng Nam Kỳ. Phải nương theo ảnh hưởng ấy mà đi vào lòng quần chúng Nam Kỳ. Nhất thiết không nên để các giáo phái trở thành đối nghịch. Càng không nên tìm cách chia rẽ giáo phái và quần chúng ấy, để không gây kẻ hở tạo cơ hội cho cộng sản chen vào.

Tháng 12/1954 khi chính phủ Ngô Đình Diệm thu hồi dinh Độc lập do Pháp giao lại, ông Ngô Đình Nhu có mời một số người trước đây có thiện cảm với ông Diệm, nhưng vì lý do này khác, đứng ngoài vòng không muốn cộng tác với chế độ. Họ đặt vấn đề hóa giải, nêu muốn miền Nam thoát ách cộng sản. Họ đề nghị “khi người Nam Kỳ không giữ quyền lãnh đạo chính trị, phải chia quyền lãnh đạo ấy với họ, đưa họ vào

các trung tâm quyết định của nhà nước, của quốc gia, đặt họ trước trách nhiệm cứu nước. Ông Diệm chỉ nên giữ vai trò đảm bảo cho các chính quyền miền Nam dân chủ và tự do, không Cộng sản”. (Hồ Sĩ Khuê, Ngô Đình Diệm: Nước bại theo một người, trích từ quyển “Lịch trình hình thành và giải thể của Mặt trận Giải phóng Miền Nam”, NXB Văn Nghệ, USA, 1992)

Nam Kỳ đóng một vai trò lớn trong việc mang lại độc lập thống nhất VN. Ngày 19/12/1947, một phái đoàn bao gồm những nhân vật tên tuổi ở Nam Kỳ như Nguyễn Văn Xuân, Trần Văn Hữu...đang lãnh đạo chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ, sang Hồng Kông thúc giục cựu hoàng Bảo Đại về nước lãnh trọng trách thống nhất quốc gia. Trong khi đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, Cao ủy Bollaert tuyên bố: “Hồ Chí Minh ngoan cố nên Pháp không bao giờ điều đình lại với cộng sản nữa, mà duy nhất chỉ nói chuyện với cựu hoàng Bảo Đại”.

Biết được nguyện vọng người dân Nam Kỳ, họ không muốn độc lập tự trị mà độc lập thống nhất quốc gia, nên cựu hoàng bỏ nhiệm tướng Nguyễn Văn Xuân đang làm Thủ tướng Nam Kỳ tự trị trở thành Thủ tướng Chính phủ Quốc gia lâm thời, đứng ra thương thuyết với Toàn quyền Đông Dương Bollaert, dẫn đến Hiệp ước cấp thượng đỉnh giữa Tổng thống Pháp và Quốc trưởng Bảo Đại ngày 8/3/1949. Cựu Giáo sư Vũ Quốc Thúc một chứng nhân lịch sử hiện sống ở Paris, lúc bấy giờ được TT Xuân bỏ nhiệm làm Công cán Ủy viên của thủ tướng. Ông được cử sang Paris làm việc tại văn phòng đại diện Chính phủ Quốc gia lâm thời VN tại Pháp.

Hơn một thế kỷ trước, đất Nam Kỳ đã giúp Chúa Nguyễn Ánh xây dựng thực lực để Bắc tiến thống nhất sơn hà. Nay Nam Kỳ lại góp phần thống nhất đất nước, nên QT Bảo Đại luôn đề cử những người Nam Kỳ làm thủ tướng chính phủ Quốc gia, tuần tự là Nhà báo Nguyễn Phan Long, Kỹ sư Canh nông Trần Văn Hữu, Đốc phủ Nguyễn Văn Tâm. Đầu năm 1954 tình hình đất nước sắp bước vào ngõ rẽ quan trọng, ngày 11 tháng Giêng QT Bảo Đại cử Hoàng thân Bửu Lộc thay Nguyễn Văn Tâm làm thủ tướng. Trong vai trò này, Hoàng thân Bửu Lộc cùng thủ tướng Pháp Joseph Laniel ký Hiệp ước Độc Lập (Traité d'Indépendance) ngày 4/6/1954, gồm các điều khoản:

- (1) Nước Pháp công nhận nước VN là một quốc gia hoàn toàn độc lập có đầy đủ chủ quyền và thẩm quyền do quốc tế công pháp công nhận.
- (2) Nước Việt Nam thay thế nước Pháp trong các quyền lợi và trách nhiệm do những hiệp ước mà Pháp đã ký thay cho Việt Nam.
- (3) Nước Pháp cam kết chuyển giao cho VN thẩm quyền các công sở do Pháp chi phối trên lãnh thổ VN.
- (4) Hiệp ước bắt đầu có hiệu lực ngay sau khi ký kết và bãi bỏ tất cả mọi án văn trái ngược với hiệp ước trên đây.

Trong phái đoàn của TT Bửu Lộc sang Pháp đàm phán có Giáo sư Vũ Quốc Thúc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Luật sư Nguyễn Đắc Khê bộ trưởng Bộ Dân chủ hóa Quốc

gia. Tám mươi năm trước, triều đình nhà Nguyễn đã ký những hiệp ước nhường Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa và nhận Pháp bảo hộ Bắc và Trung Kỳ. Nay chế độ thực dân đã cáo chung, một vị hoàng thân triều Nguyễn cuối cùng ký với Pháp hiệp ước thừa nhận Việt Nam hoàn toàn độc lập không còn trong Liên Bang Đông Dương và khối Liên Hiệp Pháp nữa. VN sẽ tiến tới thể chế dân chủ tự do. Hoàn thành sứ mạng đối với đất nước, mười ngày sau QT Bảo Đại trao quyền lãnh đạo đất nước cho ông Ngô Đình Diệm. Ông Diệm thành lập chế độ Cộng Hoà, trở thành tổng thống đầu tiên của VNCH, mở đầu giai đoạn đấu tranh ý thức hệ với Cộng sản.

Theo tài liệu Gs Hồ Sỹ Khuê tiết lộ thì từ năm 1948 ông Diệm đã tiên liệu ông sẽ lãnh đạo miền Nam, mà đất Nam Kỳ là trọng tâm. Mỹ ủng hộ ông, hứa viện trợ Sài Gòn, tức Mỹ phải dính líu với miền Nam. Và ông đã hứa trong Tuyên ngôn năm 1951: “Dùng hai ‘vú sữa’ quần chúng Nam Kỳ và thành phần kháng chiến quốc gia mà nuôi dưỡng chế độ Sài Gòn”. Nay các điều kiện ông tiên liệu, ông muốn có, để tranh thủ với CS, ông đã hội đủ. Và con đường ông phải theo theo người mưu sĩ, có thể phác họa như sau:

-Lấy đất Nam Kỳ làm gốc cho chế độ, như Nguyễn Ánh đã làm hồi thế kỷ 18, để tranh thủ với Tây Sơn.

-Dùng dân Nam Kỳ làm nguyên tố củng cố, xây dựng miền Nam. Dựa trên quần chúng Nam Kỳ làm thế ý dõc, để bảo vệ miền Nam, giữ cho CS miền Bắc không huy động được dễ dàng các thành phần nằm vùng mà tuyên truyền và quấy phá. Đồng thời, để phát triển kinh tế, xã hội, với nhân lực, tài lực Nam Kỳ.

-Vinh danh thành tích kháng chiến yêu nước. Vạch rõ mưu đồ CS lợi dụng nhu cầu giải phóng của đồng bào, để thực hiện cách mạng vô sản.

-Đề cao anh em kháng chiến quốc gia. Xem chủ quyền miền Nam là thành quả kháng chiến. Kết hợp các thành phần kháng chiến, phi kháng chiến vì hiểu thấu mưu đồ CS, hoặc vì một lý do nào khác, để tổ chức chính quyền miền Nam.

Đó là con đường kết hợp nhân dân, kết hợp kháng chiến vào chính quyền, để thu hút vào chế độ các thành phần quần chúng nông thôn. Họ là những người đã từng là cơ sở trung kiên của tổ chức kháng chiến chống Pháp suốt 9 năm qua. Sự kết hợp này có thực sự và chặt chẽ, sẽ đảm bảo cho tương lai miền Nam. (Hồ Sỹ Khuê, Tài liệu đã dẫn trên)

Trên đây là hoài bão của ông Diệm lúc chưa gặp thời, ông xứng danh là chí sĩ được người đời tôn vinh, ông hiểu được thế đất lòng dân Nam Kỳ để tạo thành sức mạnh, mới có khả năng đương đầu với Hồ Chí Minh và Cộng sản ở miền Bắc. Người dân Nam Kỳ yêu nước, họ đã tham gia kháng chiến chống Pháp khi chúng quay trở lại VN. Họ đã kháng chiến chống Pháp trước ông Hồ Chí Minh 15 tháng.

Hoài bão của ông Diệm còn phù hợp với chủ trương của Mỹ lúc bấy giờ. Hoa Kỳ thúc ép Pháp phải trao trả độc lập rộng rãi cho Việt Nam, ông Bảo Đại mới tranh thủ được những người yêu nước đã chống Pháp để giành độc lập. Những người Quốc gia chân chính đều không muốn hợp tác với một chính phủ quốc gia thân Pháp. Điển hình là ông Diệm, người đã từng khuyến cáo Bảo Đại phải cứng rắn với lập trường Việt Nam độc lập thống nhất. Trong số đó còn có một số lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng như Lê Ngọc Chân, Nguyễn Hòa Hiệp, Xuân Tùng...

Ngoài ra còn có Trần Văn Hương nguyên Chủ tịch Mặt trận kháng chiến tỉnh Tây Ninh, Trần Văn Văn, Ủy viên kinh tài Ủy ban Hành chánh kháng chiến Nam bộ, Nguyễn Ngọc Bích (con Giáo tông Cao đài Bến Tre Nguyễn Ngọc Tương) từng là chủ tịch ủy ban này. Số người này đã từng hợp tác với Việt Minh nhưng sau khi thấy được bộ mặt thật của Cộng sản, họ bỏ kháng chiến trở về thành và cũng không ra hợp tác với chính quyền thân Pháp.

Tại miền Bắc, Gs Vũ Quốc Thúc cũng là một ủy viên hành chính kháng chiến, ông bỏ về Hà Nội gửi đơn xin TT Nguyễn Văn Xuân cho ông sang Pháp để trình luận án tiến sĩ. Vị thủ tướng quốc gia lâm thời đầu tiên của VN đã chấp nhận giúp ông Thúc hoàn thành sở nguyện. Sau khi thành đạt, Gs Thúc về quê hương phục vụ quốc gia từ 1952 đến 1975 và mãi đến ngày hôm nay.

Sau 1954, hòa bình chỉ tạm thời, quân đội hai bên đình chỉ giao tranh để chờ cuộc tổng tuyển cử dự trù diễn ra vào giữa tháng 7 năm 1956. Kế hoạch này khó có thể thực hiện, giới lãnh đạo CS đã tiên liệu điều này. Vì thế, họ tuân hành hiệp định Genève bằng cách tập kết 80 ngàn bộ đội Việt Minh ra Bắc, vũ khí thì chôn lại tại các mật khu để chờ ngày kháng chiến trở lại. Số cán CS trung kiên, già dặn như Lê Duẩn thì gài lại miền Nam để sách động đồng bào đòi chính quyền ông Diệm hiệp thương tổng tuyển cử.

Rồi đây vì cái nghiệp, ông HCM lại dựa vào lòng yêu nước của nhân dân, sự giúp đỡ của Quốc tế CS để thực hiện nghĩa vụ dân tộc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Kháng chiến Việt Minh ở miền Bắc đã hoàn thành, còn kháng chiến miền Nam còn dang dở. Trước 1954 là kháng chiến chống chính quyền Quốc gia của Bảo Đại là bù nhìn của Pháp. Nay là kháng chiến chống chính quyền Ngô Đình Diệm là tay của Mỹ giúp Mỹ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước.

Đó là sự thật đang bày ra trước mắt, nhưng vì hào quang quyền lực khiến ông Diệm quên đi thực trạng khó khăn của đất nước. Ông chỉ biết được cựu hoàng trao thiên mệnh lãnh đạo đất nước trước bàn thờ Chúa, được Mỹ ủng hộ có khối đồng bào Thiên chúa giáo di cư đông đảo làm hậu thuẫn. Ông phải hành xử như một tân vương thống



nhất đất nước vào một mối, không còn tình trạng sứ quân, các giáo phái, đoàn thể chính trị cát cứ mỗi người mỗi khu vực. (Còn tiếp Phần 4)

Lê Quế Lâm